

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

*V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình: Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Phước
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 285/TB-TA ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số 254, Kênh 5B, xã TA, huyện TH, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh Cao Hoàng Quang V, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Chị T và anh V do hai bên tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2019 tại UBND xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khi

chị T có thai và sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh V không quan tâm đến vợ con, không san sẻ gánh nặng về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến tháng 7/2020 thì vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian đó anh V có vài lần đến thăm con và có ý định hàn gắn nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn và bản thân chị T cũng không muốn hàn gắn. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị T trình bày có một con chung tên Cao Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/6/2020 hiện đang sống chung với chị T, nên khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị T và anh V thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V đều vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh V và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là anh Cao Hoàng Quang V trình bày: Trong đời sống vợ chồng, do cả hai đều ít nói, nên khi có sự việc hiểu lầm hai bên đều không có cách giải bày, dẫn đến mâu thuẫn mà không hòa giải được. Khi chị T mang thai và sinh con, do tập quán và cách chăm sóc giữa hai bên gia đình cũng khác nhau nên cũng có khi xảy ra bất hòa. Tuy nhiên, nhận thấy những mâu thuẫn đó đều có thể khắc phục được và bản thân anh V vẫn còn thương vợ nên mong muốn được hàn gắn, không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/6/2020, hiện nay đang sống cùng chị T, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên hai bên hàn gắn tình cảm, nhưng chị T cương quyết ly hôn cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh V. Về con chung, giao cháu Cao Nguyễn Ngọc H cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Cao Hoàng Quang V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 63, do UBND xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh An Giang cấp ngày 17/10/2019). Anh Cao Hoàng Quang V có hộ khẩu thường trú tại: Ấp VT, xã VT2, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Xét việc tranh chấp:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2019 tại UBND xã Tân An, huyện Tân Hiệp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh V không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chia sẻ gánh nặng về kinh tế khi có con nhỏ mà chỉ biết lo cho bản thân và vun vén cho gia đình mình, khi xảy ra cự cãi thì anh V bỏ nhà đi mặc cho chị tự xoay sở và chăm con nhỏ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bản thân chị T không còn niềm tin vào anh V, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị T yêu cầu ly hôn anh V.

Anh V cho rằng những mâu thuẫn xảy ra đều xuất phát từ việc cả hai ít chia sẻ với nhau, dẫn đến sự hiểu lầm nhưng không được giải quyết. Hơn nữa, do tính chất công việc và dịch bệnh xảy ra khiến cho việc đi lại khó khăn nên anh ít khi về thăm nhà được, anh có điện thoại thì chị T không nghe máy nên chị T hiểu lầm là anh không quan tâm vợ con. Bản thân anh vẫn còn rất thương vợ và mong muốn được hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương và quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong đời sống hôn nhân, giữa chị T và anh V không có sự chia sẻ, cảm thông, khi phát sinh mâu thuẫn cả hai không tìm cách giải quyết khiến mâu thuẫn càng lúc càng nghiêm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải để cả hai có cơ hội hàn gắn nhưng anh V đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn nhưng chị T không đồng ý hòa giải và cương quyết ly hôn, anh V mặc dù mong muốn hàn gắn nhưng cũng không có giải pháp hiệu quả để hàn gắn và thuyết phục chị T tiếp tục chung sống cho thấy mâu thuẫn giữa cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh V trình bày có 01 con chung tên Cao Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/6/2020, hiện nay đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh V cũng đồng ý giao con cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Do đó đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, đảm bảo cho cháu phát triển bình thường, ổn định nên cần giao cháu H cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của chị T trong việc không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Cao Hoàng Quang V không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn anh Cao Hoàng Quang V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63, do UBND xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Cao Hoàng Quang V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Cao Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/6/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu anh Cao Hoàng Quang V cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Hoàng Quang V và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Chị Nguyễn Thị Ngọc T và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Cao Hoàng Quang V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008528 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Anh Cao Hoàng Quang V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã Tân An, H. Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mỹ Linh**